

Bài 6 : Thực hành

ĐỌC, PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC THÀNH PHỐ LỚN CỦA CHÂU Á

1. Phân bố dân cư châu Á

Đọc hình 6.1, nhận biết khu vực có mật độ dân số từ thấp đến cao và điền vào bảng theo mẫu sau :

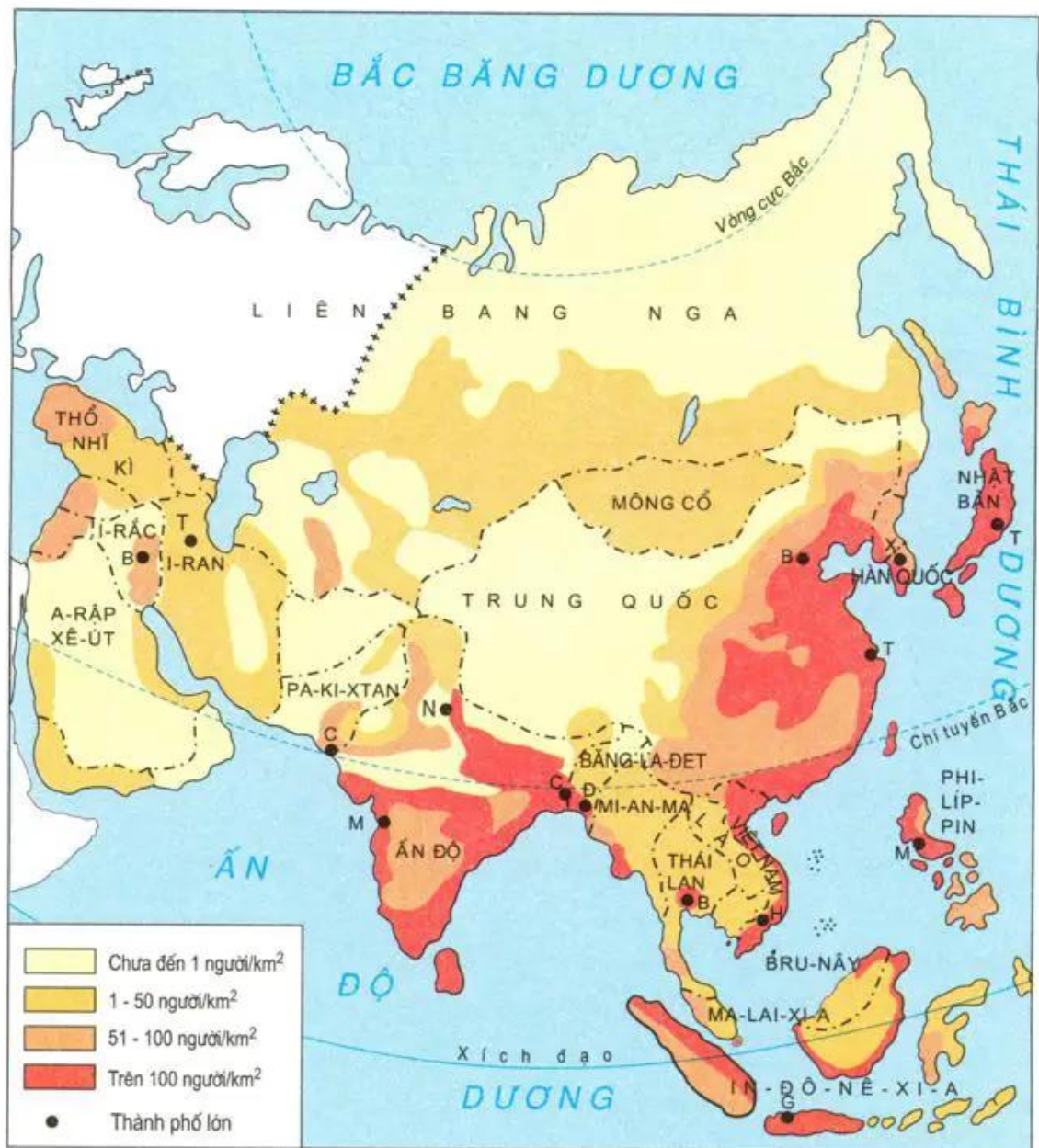
STT	Mật độ dân số trung bình	Nơi phân bố	Ghi chú
1.	Dưới 1 người/km ²	Bắc Liên bang Nga...	
2.	1-50 người/km ²		
3.	51-100 người/km ²		
4.	Trên 100 người/km ²		

- Kết hợp với lược đồ tự nhiên châu Á và kiến thức đã học, giải thích.

2. Các thành phố lớn ở châu Á

Bảng 6.1. Số dân của một số thành phố lớn ở châu Á - năm 2000

Thành phố (Quốc gia)	Số dân (triệu người)	Thành phố (Quốc gia)	Số dân (triệu người)	Thành phố (Quốc gia)	Số dân (triệu người)
1. Tô-ki-ô (Nhật Bản)	27,0	6. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a)	13,2	11. Đắc-ca (Băng-la-đét)	11,2
2. Mum-bai (Ấn Độ)	15,0	7. Bắc Kinh (Trung Quốc)	13,2	12. Ma-ni-la (Phi-líp-pin)	11,1
3. Thượng Hải (Trung Quốc)	15,0	8. Ca-ra-si (Pa-ki-xtan)	12,0	13. Bát-đa (I-rắc)	10,7
4. Tê-hê-ran (I-ran)	13,6	9. Côn-ca-ta (Ấn Độ)	12,0	14. Băng Cốc (Thái Lan))	10,7
5. Niu Đê-li (Ấn Độ)	13,2	10. Xơ-un (Hàn Quốc)	12,0	15. TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam)	5,2



Hình 6.1. Lược đồ mật độ dân số và những thành phố lớn của châu Á

Làm việc với hình 6.1 và số liệu bảng 6.1 :

- Đọc tên các thành phố lớn ở bảng 6.1 và tìm vị trí của chúng trên hình 6.1 (theo chữ cái đầu của tên thành phố ghi trên lược đồ).
- Xác định vị trí và diện tích của các thành phố trong bảng 6.1 vào lược đồ tự in.
- Cho biết các thành phố lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực nào, vì sao lại có sự phân bố đó ?